TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Quận B, ngày 14 tháng 02 năm 2020*

Số: **24**/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số **22**/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/02/2020,về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

–Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1983.

+ Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Số A ngách B đường X, phường X, quận B, TP. Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tình cảm:* Chị Đỗ Thị T và anh Phạm Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2010 tại UBND xã X, huyện T (Nay là phường X, quận B), TP. Hà Nội. Trong cuộc sống vợ chồng, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh chị đã cố gắng hòa giải và gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Trên thực tế, anh chị đã ly thân được gần 07 năm, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của chị Đỗ Thị T và anh Phạm Ngọc T là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy cần được ghi nhận.

[2] *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là Phạm Tú V, sinh ngày 08/10/2011. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận để chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi con chung. Anh Phạm Ngọc T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là

5.000.000đ(Năm triệu đồng)/tháng. Xét việc thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật, vì vậy cần được chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung, nhà ở chung:* Không có nên không xét.

[4] *Về nợ chung:* Không có, nên không xét.

[5] *Về lệ phí dân sự sơ thẩm:* Anh Phạm Ngọc T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí công nhận thuận tình ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06/02/2020, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Phạm Ngọc T.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên, giao con Phạm Tú V, sinh ngày 08/10/2011cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; Anh Phạm Ngọc T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02/2020 đến khi cháu Vân đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Phạm Ngọc T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, nhà – đất chung: Không có nên không xét.

- Về nợ chung: Không có nên Tòa án không xét.

2/ Về lệ phí: Anh Phạm Ngọc T tự nguyện chịu cả 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí công nhận thuận tình ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng lệ phí anh đã nộp theo biên lai số AB/2015/0003368ngày 04/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hà Nội.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường) nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Quang Hậu